

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN EA H'LEO  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 24-5-2021.

V/v: “*Kiến lý hôn và tranh  
chấp nuôi con chung*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO.**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Huy Vũ.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1, Ông Y Mạnh Adrong.

2, Bà Mai Thị My.

***-Thư ký phiên Tòa:*** Bà Đặng Thị Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Công Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 24/5/2021 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 43/2021/TLST-HNGĐ ngày 01/3/2021 về việc “*Kiến lý hôn và tranh chấp nuôi con chung*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14/4/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07/5/2021, giữa:

*Nguyên đơn:* Chị Bé Thị D, sinh năm: 1995. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn 12, xã Kh, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

*Bị đơn:* Anh Hoàng Văn V, sinh năm 1996. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn 1, xã T, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án chị Bé Thị D là nguyên đơn trình bày:*

Về hôn nhân: Chị Bé Thị D và anh Hoàng Văn V về sống chung với nhau từ năm 2015, năm 2017 đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, sau khi về sống chung thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V chơi bời, nghiện ma túy, chị D khuyên can thì xảy ra nhiều cuộc cãi

vã, đánh đập làm mất tình cảm vợ chồng, hiện chị D và anh V đã sống ly thân, cuộc sống không thể kéo dài được nữa, nay chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị D và anh V có 01 con chung là Hoàng Bảo N, sinh ngày 25/3/2016. Sau khi sống ly thân anh V là người nuôi con, nay ly hôn chị D đồng ý giao con cho anh V tiếp tục nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cho anh V mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản và nợ chung: Chị D không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung.

*Tại phiên tòa anh Hoàng Văn V trình bày:*

Về hôn nhân: Anh Hoàng Văn V và chị D về sống chung với nhau từ năm 2015, năm 2017 đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V chơi bời, nghiện ma túy, nên xảy ra nhiều cuộc cãi vã, đánh đập, năm 2017 anh V và chị D sống ly thân, theo nguyện vọng của chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn, anh V cũng đồng ý.

Về con chung: Anh V và chị D có 01 con chung là Hoàng Bảo N, sinh ngày 25/3/2016. Sau khi sống ly thân anh V là người nuôi con, nay ly hôn anh V xin được tiếp tục nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh V đồng ý việc chị D cấp dưỡng nuôi con chung cho anh V mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản và nợ chung: Không có tài sản và không nợ ai.

*Phát biểu của Kiểm sát viên:*

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng trình tự theo quy định của pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của đương sự do chủ tọa phiên tòa đã công bố tại phiên tòa thể hiện việc chị D khởi kiện yêu cầu ly hôn là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình. Cho chị D ly hôn với anh V.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

[1]. Pháp luật về tố tụng: Việc chị Bê Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Hoàng Văn V, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập các đương sự đến Tòa án để công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh V vẫn vắng mặt không có lý do, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, nên Tòa án không thể tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự được mà tiến hành xác minh, niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi anh V cư trú. Theo quy định tại khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được và tiến hành xét xử. Chị D có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

**[2]. Pháp luật về nội dung:**

Về hôn nhân: Chị Bé Thị D và anh Hoàng Văn V về sống chung với nhau từ năm 2015, năm 2017 đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện E, tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 12/4/2017. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V chơi bời và nghiện ma túy, chị D khuyên can thì xảy ra nhiều cuộc cãi vã, đánh đập làm mất tình cảm vợ chồng, hiện chị D và anh V đã sống ly thân, nay chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh V.

Căn cứ vào lời khai của đương sự và qua xác minh tại chính quyền địa phương thì chị D và anh V thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh V là người nghiện ma túy, hiện tại hai người đã sống ly thân. Do đó, xét thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh V ngày càng trầm trọng, giữa hai người không còn thương yêu, chăm sóc, quý trọng lẫn nhau, thực tế hôn nhân không còn tồn tại. Vì vậy, việc chị D yêu cầu ly hôn với anh V là có căn cứ, nên cần chấp nhận.

Về con chung: Chị D và anh V có 01 con chung là Hoàng Bảo N, sinh ngày 25/3/2016. Nhận thấy, sau khi sống ly thân anh V là người trực tiếp nuôi con, nay ly hôn chị D cũng đồng ý giao con cho anh V nuôi, nên cần giao con chung cho anh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Cần chấp việc chị D đồng ý cấp dưỡng cho anh V mỗi tháng 1.000.000 đồng để nuôi con chung, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Chị D có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Chị D không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung, nên không đề cập xem xét.

**[3]. Về án phí:** Chị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp và án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Cho chị Bé Thị D được ly hôn với anh Hoàng Văn V.

2. Về nuôi con chung: Căn cứ vào Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 110; Điều 116; Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình;

2.1. Giao con chung là Hoàng Bảo N, sinh ngày 25/3/2016 cho anh Hoàng Văn V trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D có nghĩa vụ cấp dưỡng cho anh V mỗi tháng 1.000.000 đồng để nuôi con chung, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Chị D có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị D không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung, nên không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 19; điểm a khoản 5 điểm a, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án;

Chị Bé Thị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo theo biên lai số AA/2019/0012436 ngày 22/02/2021.

Chị Bé Thị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (Án phí cấp dưỡng nuôi con chung).

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa*

*thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện Ea H'Leo;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, vi tính.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Đã ký

**Nguyễn Huy Vũ**